

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM  
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

**Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2023**

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 2**  
**NGÀY QUAN TRẮC 19 THÁNG 2 NĂM 2023**  
**NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC 20 THÁNG 2 NĂM 2023**

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**

**CƠ QUAN THỰC HIỆN**

**VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG**

*ThS Vũ Quốc Chính*

**Thông tin chung**

*Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023” do Tổng cục Thủy lợi quản lý, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam thực hiện năm 2023. Các nội dung chính nhiệm vụ thực hiện trong năm 2023 gồm: (i) Lấy mẫu quan trắc chất lượng nước 9 đợt tại 15 vị trí vào các tháng 2, 3, 4, 7 (2 đợt/ tháng) và 8 (1 đợt); (ii) Dự báo chất lượng nước theo tuần tại các vị trí lấy mẫu quan trắc theo các chỉ tiêu DO, BOD<sub>5</sub> và NH<sub>4</sub><sup>+</sup>. Kết quả quan trắc và dự báo được xây dựng thành các bản tin, đưa lên websites của Tổng cục Thủy lợi tại địa chỉ <https://chatluongnuoc.tongcucthuyloi.gov.vn> và gửi cho các địa phương vùng dự án.*

*Bản tin kết quả quan trắc hiện trường đợt 2 lấy mẫu ngày 19/2/2023. Nội dung gồm: Tình trạng đóng mở cống, chế độ dòng chảy, tình trạng chất thải, màu, mùi; kết quả đo các chỉ tiêu ngoài hiện trường (nhiệt độ, pH, DO) và những khuyến cáo chất lượng nước phục vụ SXNN.*

**Hà Nội, ngày 20 tháng 2 năm 2023**

## BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 2

**1. Nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023.

**2. Ngày quan trắc:** 19/2/2023

**Ngày cung cấp thông tin:** 20/2/2023

**3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu:**

- Mẫu lấy ngày 10/2/2023 vào giai đoạn lấy nước đồ ải, cấy lúa vụ Chiêm Xuân và tưới nước cho hoa màu (21/1 – 28/2). Thời điểm lấy mẫu, vẫn còn rải rác một số khu vực thuộc tỉnh Hưng Yên và Bắc Ninh đang cấy nốt trà lúa muộn. Công ty KTCTTL Bắc Hưng Hải điều hành quy trình vận hành hệ thống như sau: Xuân Quan lấy và trữ nước hạ lưu; Báo Đáp, Kênh Cầu, Lục Điền mở thông; Neo, Bá Thủy trữ nước thượng lưu; Cầu Xe, An Thổ lấy nước ngược; Cầu Cát lấy nước ngược và phục vụ giao thông thủy.

- Tại thời điểm lấy mẫu, tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu như sau: Cổng Xuân Quan mở lấy trữ nước hạ lưu; Bá Thủy, Neo đóng trữ nước thượng lưu phục vụ tưới dưỡng và cấy trà lúa muộn; An Thổ, Cầu xe và Âu Cầu Cát đóng trữ nước trong hệ thống, chờ triều lấy nước ngược; Kênh Cầu, Lục Điền mở thông. Các cống tiêu Xuân Thụy – đang thi công XD cống mới, nước chảy tự do qua cống nấn dòng; Ngọc Lâm – đang bao bờ thi công xây dựng cống mới, tiêu nước qua TB khi có nhu cầu; Ngọc Đà, Bình Lâu mở thông, Phần Hà đóng kín.

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 15 (Có danh sách kèm theo)

**5. Đơn vị thực hiện:** Viện Nước, Tưới tiêu và MT

**Người cung cấp thông tin:** ThS Vũ Quốc Chính- Chủ nhiệm nhiệm vụ

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Tổng cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng:

### KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 2 (So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A<sub>1</sub> và B<sub>1</sub>)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
1	BHH 1	Cổng Xuân Quan	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ cống Xuân Thụy	- Cống mở lấy trữ nước hạ lưu, dòng chảy yếu. Mực nước TL = 181cm; HL = 176cm; - Nước có màu xanh nhạt, không mùi, không rác thải.	21,0	6,77	5,8	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
2	BHH2	Cống Xuân Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước sông Cầu Bây trước khi chảy ra sông Kim Sơn.</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đang thi công cống, Nước chảy tự do qua cống nắn dòng, dòng chảy yếu. Mực nước TL = 171 cm; HL = 170 cm;</li> <li>- Nước có màu đen kịt, mùi hôi thối, không có rác thải. Khi nhập lưu sông với sông Kim Sơn tạo 2 mảng màu đen – sáng rõ rệt</li> </ul>	20,7	6,73	0,9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 1 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN; cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được.</li> <li>- Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS.</li> <li>- Lấy nước thay thế trong khu vực qua các trạm bơm từ nguồn sông Kim Sơn và sông ngoài.</li> <li>- Không nên mở cống Xuân Thụy vào thời điểm lấy nước phục vụ sản xuất.</li> </ul>
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước sông Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dòng chảy yếu theo hướng từ TB Như Quỳnh về cầu Tăng Bảo để ra sông Kim Sơn.</li> <li>- Nước đen, mùi hôi, nhiều rác thải nổi trên sông.</li> </ul>	21,0	6,72	2,1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng.</li> <li>- Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS.</li> <li>- Tạm dừng lấy nước qua TB Như Quỳnh, Lấy nước thay thế trong khu vực qua trạm bơm Phú Mỹ từ nguồn sông Đuống</li> </ul>
4	BHH4	Cống Kênh Cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống.</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua cống Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đình Dù ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cống mở thông, dòng chảy yếu. Mực nước TL= 157 cm, HL =155 cm;</li> <li>- Nước màu đen, mùi hôi, nhiều rác thải.</li> </ul>	20,2	6,74	2,7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng.</li> <li>- Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS.</li> </ul>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
5	BHH5	Cổng Ngọc Đà	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đình Dù.</li> <li>- Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng mở thông 2 cửa, dòng chảy trung bình.</li> <li>- Nước có màu đen kịt, mùi hôi thối, không rác thải. Hạ lưu sau cổng, nổi nhiều bọt đen - trắng thành đồng lớn.</li> </ul>	20,8	6,76	1,3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết.</li> <li>- Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS;</li> <li>- Không nên mở cổng Ngọc Đà ra sông Đình Dù vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN</li> </ul>
6	BHH6	Cổng Ngọc Lâm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn.</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đang bao kè thi công xây dựng cổng mới. Mặt nước tĩnh không có dòng chảy.</li> <li>- Nước màu xanh lục, mùi hơi hôi, không rác thải.</li> </ul>	20,3	6,71	3,2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN; cá và động vật thủy sinh có hiện tượng ngo nổi đầu.</li> <li>- Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN.</li> <li>- Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.</li> </ul>
7	BHH7	Cổng Phan Hà	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn.</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Nối, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy.</li> <li>- Nước màu đen, mùi hôi, nhiều rác thải trước cổng.</li> </ul>	21,5	6,69	2,1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng.</li> <li>- Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS.</li> </ul>
8	BHH8	Cổng Bá Thủy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh Hải Dương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng đóng trữ nước thượng lưu, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 156 cm; HL= 128 cm.</li> </ul>	21,1	6,74	5,1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN.</li> <li>- Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN.</li> <li>- Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử</li> </ul>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			- Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	- Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ. Có ít rác thải và bèo tây trên sông.				dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.
9	BHH9	Cổng Bình Lâu	Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	- Cổng mở, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu đen, mùi hôi thối, không có rác thải	21,6	6,76	1,4	- DO < 2mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Không nên mở cổng Bình Lâu ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN;
10	BHH10	Cổng Cầu Cát	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương.	- Cổng đóng chờ triều lấy nước ngược, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mực nước TL= 160, HL= 83 cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, nhiều rác thải.	21,8	6,77	4,7	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.
11	BHH11	Cổng An Thổ	Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	- Cổng đóng chờ triều lấy nước ngược, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mực nước TL= 123 cm; HL= 22 cm - Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	22,6	6,69	5,2	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.
12	BHH12	Cổng Cầu Xe	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	- Cổng đóng chờ triều lấy nước ngược, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mực nước TL= 124 cm; HL= 23 cm - Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	22,6	6,71	5,3	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng và ao sinh học thả bèo.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
13	BHH13	Cống Lục Điền	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	- Cổng mở thông, dòng chảy yếu theo hướng từ sông Kim Sơn chảy vào. Mức nước TL= 153 cm; HL = 152cm. - Nước màu đen, mùi hôi, nhiều rác thải, mặt nước có váng dầu.	20,6	6,69	2,1	- DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS.
14	BHH14	Cống Bằng Ngang	- Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện Khoái Châu. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN.	- Dòng chảy yếu theo hướng ra sông Cửa An. - Nước màu vàng đục, không có mùi lạ, nhiều rác thải.	21,3	6,78	3,2	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN; cá và động vật thủy sinh có hiện tượng ngơ ngẩn. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
15	BHH15	Cống Neo	- Kiểm tra nước sông Cửa An trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.	- Cổng đóng kín trữ nước thượng lưu, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mức nước TL= 132cm; HL= 120cm - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ, nhiều rác thải và bèo tấy.	22,6	6,62	3,7	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN; cá và động vật thủy sinh có hiện tượng ngơ ngẩn. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng cần xử lý qua ao lắng và ao sinh học thả bèo. Đồng thời tăng cường ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
<b>QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1</b>				-	-	<b>6,0-8,5</b>	<b>≥6</b>	-
<b>QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1</b>				-	-	<b>5,5-9,0</b>	<b>≥4</b>	-

**Ghi chú:** QCVN08-MT:2015/BTNMT cột A1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.
- Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;